

BT. Trần Văn Đạt, Vũ Ngọc Vũ / Đ/Đ / R 25.6

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148/BC-BTP

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Dự án Luật kiến trúc

TT Trần Đức Thọ
tiếp thu, giải trình, hoàn
chiều dự án luật
22/6

BỘ XÂY DỰNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 1305.2
Ngày: 21/6/2018

Kính gửi:

- Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính phủ.

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và theo đề nghị của Bộ Xây dựng tại Công văn số 1352/BXD-QHKT ngày 07 tháng 06 năm 2018, trên cơ sở nghiên cứu Hồ sơ thẩm định và kết quả cuộc họp của Hội đồng thẩm định ngày 13 tháng 06 năm 2018, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với dự án Luật kiến trúc (sau đây gọi là dự án Luật) như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành Luật

Kiến trúc thể hiện bản sắc văn hóa của quốc gia, dân tộc, vùng, miền có tính sáng tạo cao. Tuy nhiên, hoạt động kiến trúc đang được điều chỉnh bởi các luật có liên quan như Luật xây dựng, Luật quy hoạch đô thị, Luật di sản văn hóa, Luật nhà ở, các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn các Luật này; chưa tạo động lực và phát huy được vai trò của kiến trúc sư, tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiến trúc.

Các chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển con người; nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được thể hiện tại các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa.

Vì vậy, để tạo lập khung pháp lý đồng bộ, thống nhất, toàn diện về quản lý nhà nước đối với phát triển kiến trúc và hành nghề kiến trúc; đồng thời, tiếp tục cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 về quyền của công dân, kinh tế, văn hóa, xã hội; thể chế hóa quan điểm của Đảng nêu trên thì việc xây dựng và ban hành Luật kiến trúc là cần thiết.

2. Về sự phù hợp của nội dung dự án Luật với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng Luật đã được thông qua

2.1. Về sự phù hợp của nội dung dự án Luật với mục đích, yêu cầu, chính sách trong đề nghị xây dựng Luật

Nội dung dự án Luật phù hợp với mục đích, yêu cầu và các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật kiến trúc, đó là: (1) Quản lý nhà nước về kiến trúc; (2) Hành nghề kiến trúc.

2.2. Về đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự án Luật

- Với mục tiêu xây dựng một luật riêng nhằm quản lý thống nhất, tổng thể, toàn diện hoạt động kiến trúc ở nước ta đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và phát huy khả năng sáng tạo của cá nhân hành nghề. Theo đó, phạm vi điều chỉnh của dự án Luật này đã bao quát được nội hàm của kiến trúc và hành nghề kiến trúc.

- Về đối tượng điều chỉnh, Bộ Tư pháp cơ bản nhất trí với đối tượng điều chỉnh của dự án Luật.

3. Về sự phù hợp của nội dung dự án Luật với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung dự án Luật kiến trúc phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước. Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị trung ương 4 khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 tháng 2017 của Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 tháng 2017 của Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

4. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

4.1. Về tính hợp hiến của dự án Luật

Nội dung trong dự án Luật bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân; kinh tế, văn hóa, xã hội.

4.2. Về tính hợp pháp, tính thống nhất của dự án Luật

Nội dung dự án Luật đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật có liên quan, như: Luật quy hoạch đô thị, Luật xây dựng, Luật quy hoạch, Luật nhà ở, Luật sở hữu trí tuệ, Luật di sản văn hóa... Tuy nhiên, đề nghị xem xét lại việc kiến trúc sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam cho phù hợp với quy định của Bộ luật lao động vì theo quy định của Bộ luật này thì không phải tất cả công dân nước ngoài đều được làm việc tại Việt Nam trừ điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc giữa Việt Nam và các nước có ký kết cam kết mà chỉ được làm việc sau khi có giấy phép lao động. Để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát dự án Luật với các Luật nêu trên và các văn bản hướng dẫn các Luật này về quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị, thi tuyển kiến trúc, quản lý kiến trúc đối với khu phố cổ.

4.3. Về tính tương thích của nội dung dự án Luật với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Nội dung dự án Luật đảm bảo tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã đưa được một số quy định của ASEAN, FTA vào dự án Luật. Đối với các điều kiện hành nghề với kiến trúc sư nước ngoài tại Việt Nam thì trong WTO chưa cam kết mức 4 về điều kiện chung, nếu có quy định điều kiện thì không vi phạm cam kết. Tuy nhiên, với TPP, CPTPP, EVFTA, nếu 06 nước tham gia, CPTPP không bảo lưu hành nghề dịch vụ kiến trúc, tức là cho phép điều kiện hành nghề kiến trúc sư nước ngoài và Việt Nam như nhau. Do đó, đề nghị tiếp tục rà soát các Hiệp định này để chỉnh lý quy định về điều kiện hành nghề của kiến trúc sư nước ngoài tại Việt Nam cho phù hợp.

5. Về một số nội dung của dự án Luật

5.1. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

Tại Điều 3 dự án Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, người quản lý và các bộ, ngành có liên quan để đưa ra những thuật ngữ mà dự án Luật có sử dụng nhiều lần, dễ hiểu và có sự liên quan chặt chẽ với các nội dung cụ thể trong dự án Luật.

5.2. Về chính sách phát triển kiến trúc quốc gia (Điều 4)

Khoản 1 Điều 4 dự án Luật quy định chính sách phát triển kiến trúc là văn bản do Chính phủ ban hành định hướng phát triển kiến trúc đô thị và nông thôn theo các giai đoạn, phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, văn hóa của đất nước và ở các địa phương. Như vậy, theo quy định này thì chính sách phát triển kiến trúc sẽ là văn bản chỉ đạo điều hành do Chính phủ ban hành để định hướng phát triển kiến trúc theo từng giai đoạn, trong đó, nêu quan điểm, mục tiêu, kết quả cần đạt được và các chính sách cụ thể để phát triển kiến trúc trong từng giai đoạn nhất định. Tuy nhiên, quy định tại khoản 2 Điều 4 dự án Luật còn chưa thực sự rõ ràng, khoản c, d, e không phải là nội dung chính sách. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý lại các nội dung chính sách phát triển kiến trúc tại Điều 4 dự án Luật cho đầy đủ.

5.3. Về những hành vi bị nghiêm cấm (Điều 5)

Tại Điều 5 dự án Luật quy định về các hành vi bị nghiêm cấm, theo đó, quy định những hành vi bị nghiêm cấm này mới chỉ áp dụng đối với kiến trúc sư trong khi hành nghề và chủ đầu tư dự án công trình xây dựng. Theo Bộ Tư pháp về các hành vi bị cấm cần phải được áp dụng chung cho tất cả các tổ chức, cá nhân không chỉ áp dụng đối với kiến trúc sư trong khi hành nghề và chủ đầu tư dự án công trình xây dựng. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý lại các hành vi bị cấm quy định tại Điều 5 dự án Luật cho phù hợp.

5.4. Về nguyên tắc hoạt động (Điều 5)

Nội dung quy định về nguyên tắc quản lý hoạt động kiến trúc mang tính định hướng, mục tiêu, quan điểm, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát và chỉ quy định một số nguyên tắc cơ bản, đặc thù trong lĩnh vực kiến trúc.

5.5. Về quản lý nhà nước về kiến trúc (Chương II)

- Chương II dự án Luật quy định về quản lý kiến trúc đô thị và quản lý kiến trúc về nông thôn. Tuy nhiên, các nội dung quy định còn mang tính chung chung, quan điểm mà chưa quy định cụ thể để đảm bảo tính minh bạch, khả thi khi triển khai thực hiện. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định theo hướng chỉ quy định về nguyên tắc, yêu cầu, cách thức thực hiện, tổ chức triển khai đối với từng loại hình kiến trúc, vùng miền vì mỗi công trình kiến trúc thì ngoài việc tuân thủ các yêu cầu chung về kiến trúc, cảnh quan, không gian còn cần đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng. Đồng thời, cần đảm bảo quyền của chủ sở hữu tài sản, nhà ở, bất động sản trong việc quyết định về mặt kiến trúc, cảnh quan, đáp ứng tính sáng tạo, thẩm mỹ và ý tưởng thiết kế trong hoạt động kiến trúc.

- Mục 1 và mục 2 Chương II dự án Luật quy định còn mang tính chất nguyên tắc, khó khả thi trong triển khai thực hiện. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nội dung về cách thức triển khai. Đồng thời, việc triển khai các quy định này cần gắn kết với quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đất đai.

- Khoản 3 Điều 10 dự án Luật quy định Sở Xây dựng tổ chức lập, thẩm định, ban hành Thiết kế đô thị chung và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Tuy nhiên, hiện nay ở một số địa phương như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về kiến trúc là Sở Quy hoạch - Kiến trúc mà không phải là Sở Xây dựng. Do đó, để phù hợp với Luật tổ chức chính quyền địa phương về cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tại khoản 3 Điều 10 dự án Luật, đề nghị thể hiện lại theo hướng cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về kiến trúc. Tương tự, đề nghị chỉnh lý lại quy định tại khoản 1 Điều 23 dự án Luật cho phù hợp.

5.6. Về hành nghề kiến trúc (Chương III)

- Khoản 1 Điều 16 và Điều 17 dự án Luật đang quy định (i) nội dung các dịch vụ kiến trúc bao gồm giám sát thi công, quản lý dự án, quy hoạch xây dựng và (ii) phạm vi hành nghề của kiến trúc sư bao gồm chỉ dẫn đặc điểm kỹ thuật công trình, quy hoạch xây dựng và chỉ đạo thi công, giám sát và quản lý dự án. Đề nghị xem xét lại các nội dung dịch vụ kiến trúc và phạm vi hành nghề của kiến trúc sư nêu trên vì các nội dung này thuộc nội hàm của hoạt động xây dựng hiện đang được điều chỉnh bởi Luật xây dựng mà không phải nội hàm kiến trúc.

- Về cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư tại Mục 2 Chương III dự án Luật, Chương VIII Luật xây dựng năm 2014 đã phân hạng chứng chỉ hành nghề theo các hạng I, II, III. Dự án Luật này lại không phân hạng chứng chỉ hành nghề kiến trúc nhưng Torrình cũng không giải trình về nội dung này. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình việc dự án Luật này không phân hạng chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư như quy định của Luật xây dựng để đảm bảo có đầy đủ thông tin cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Điều 16 dự án Luật quy định về các dịch vụ kiến trúc nhưng dự án Luật không quy định cụ thể về từng loại hình dịch vụ kiến trúc này. Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về từng loại hình dịch vụ kiến trúc cho toàn diện và đầy đủ.

- Đề nghị xem xét lại điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề, được hành nghề kiến trúc sư tại Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 22 dự án Luật cho phù hợp

quy định của Bộ luật lao động. Đồng thời bổ sung quy định về hồ sơ, thẩm quyền cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề, hành nghề kiến trúc của cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. Đối với các giấy tờ chứng minh đáp ứng các điều kiện đề nghị phải hợp thức hóa lãnh sự.

- Khoản 4 Điều 25 dự án Luật quy định chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư có giá trị hành nghề 05 (năm) năm. Dự án Luật đang quy định theo hướng hành nghề kiến trúc sư là một ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Theo Bộ Tư pháp, nếu hoạt động kiến trúc là hoạt động kinh doanh có điều kiện thông qua việc cấp giấy phép hành nghề nên nếu cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của luật thì được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề và giấy phép hành nghề này không bị giới hạn về thời gian. Trong quá trình hành nghề kiến trúc, người đó phải cập nhật kiến thức thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng của tổ chức được phép đào tạo, bồi dưỡng và sẽ bị thu hồi khi vi phạm. Vì vậy, đề nghị xem xét lại quy định chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư có giá trị hành nghề 05 (năm) năm tại Khoản 4 Điều 25 dự án Luật.

- Khoản 2 Điều 26 dự án Luật quy định về thời gian đào tạo tối thiểu của khóa đào tạo về hành nghề kiến trúc sư nhưng chưa quy định về thời gian đào tạo tối đa. Do đó, đề nghị bổ sung quy định về thời gian đào tạo tối đa cho đầy đủ.

5.7. Về trách nhiệm quản lý nhà nước về kiến trúc (Chương IV)

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại trách nhiệm của các Bộ quy định tại Chương IV dự án Luật cho phù hợp với nội dung của dự án Luật và chức năng, nhiệm vụ của các bộ. Ví dụ, dự án Luật không quy định Bộ Xây dựng cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề nhưng tại khoản 4 Điều 25 dự án Luật lại quy định nội dung này; Bộ Xây dựng chỉ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động kiến trúc cho cán bộ, công chức của các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại khoản 7 Điều 35 dự án Luật.

5.8. Về quy định chuyển tiếp (Điều 38)

Đề nghị rà soát, bổ sung quy định chuyển tiếp tại Điều 38 dự án Luật để đảm bảo xử lý chuyển tiếp đầy đủ đối với các nội dung trước đây đã và đang thực hiện theo quy định của các Luật khác mà nay đưa vào quy định trong Luật này. Ví dụ: quy định về tổ chức hành nghề kiến trúc đang được quy định trong Luật xây dựng năm 2014 nhưng chưa có quy định xử lý chuyển tiếp.

6. Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật

- Cơ quan chủ trì soạn thảo đã có Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính và các biểu mẫu đánh giá về thủ tục hành chính. Tuy nhiên, Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với các nội dung của dự án Luật chưa được thực hiện theo Biểu mẫu đánh giá tác động thủ tục hành chính và Biểu mẫu tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính quy định tại Phụ lục I và Phụ lục IV Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

- Nội dung dự án Luật có liên quan đến vấn đề bình đẳng giới, cơ quan chủ trì soạn thảo đã có Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới. Tuy nhiên, đề nghị đánh giá kỹ hơn, chỉ rõ điều, khoản nào trong dự án Luật có tác động đến vấn đề giới để có giải pháp cụ thể về vấn đề này trong dự án Luật.

7. Về điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Luật

Dự thảo Tờ trình chưa thể hiện được nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Luật. Vì vậy, đề nghị bổ sung nội dung này trong Tờ trình.

8. Về hồ sơ và trình tự, thủ tục soạn thảo Luật

- Việc soạn thảo dự án Luật này đã được cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Để đảm bảo tính khả thi của dự án Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục lấy ý kiến các Bộ, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các hiệp hội có hoạt động liên quan đến kiến trúc để hoàn thiện dự án Luật.

- Về hồ sơ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại nội dung dự án Luật và nghiên cứu, hoàn thiện các tài liệu liên quan sau:

+ Về Tờ trình số 31/TTr-BXD ngày 07 tháng 06 năm 2018, đề nghị bổ sung nguồn nhân lực, tài chính thực hiện Luật; phân tích để làm rõ những điều, khoản nào trong các luật có liên quan cần bãi bỏ, hoặc sửa đổi, bổ sung; những nội dung nào đang được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật khác có liên quan cần được kế thừa và những vấn đề nào thực tiễn quản lý phát sinh chưa được điều chỉnh bởi các văn bản có liên quan để đưa vào điều chỉnh trong dự án Luật này, đảm bảo tính thống nhất, phù hợp, tránh chồng chéo trong quản lý; đồng thời, khắc phục “khoảng trống” của pháp luật về quản lý kiến trúc.

+ Về Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính, đề nghị hoàn thiện lại Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với các nội dung của dự án Luật theo Biểu mẫu đánh giá tác động thủ tục hành chính và Biểu mẫu tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính quy định tại Phụ lục I và Phụ lục IV Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định, cụ thể để khi có hiệu lực thì thi hành được ngay. Do đó, đề nghị bổ sung dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật.

+ Đề nghị bổ sung Báo cáo đánh giá tác động về tính tương thích của dự án Luật với các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát chỉnh lý lại kỹ thuật soạn thảo văn bản theo quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

9. Kết luận

Dự án Luật kiến trúc đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi nghiên cứu tiếp thu ý kiến tại Báo cáo thẩm định này. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan để rà soát, hoàn thiện án Luật trước khi trình Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự án Luật kiến trúc, xin gửi Bộ Xây dựng, Văn phòng Chính phủ. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ VĐCXDPL (để theo dõi);
- Lưu: VT, PLDSKT (KTN).

